

Số: /TB-VHXXH

Bình Giang, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND thành phố trong việc giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

Thực hiện Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trong việc giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. Phòng Văn hóa - Xã hội xã thông báo danh mục thủ tục hành chính ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Chi tiết Danh mục thủ tục hành chính ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử xã Bình Giang tại địa chỉ: <https://binhgiang.haiphong.gov.vn/>.

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Bình Giang thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan được biết, theo dõi và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT VHXXH.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Lê Văn Hoàn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Thông báo số /TB-VHXX ngày tháng 7 năm 2026
của Phòng Văn hóa – Xã hội)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1.	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố).	Công nghiệp công nghệ số
2.	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số
3.	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố).	Công nghiệp công nghệ số
4.	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Công nghiệp công nghệ số
5.	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	Hoạt động khoa học và công nghệ
6.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ
7.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ
8.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ
9.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
10.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ

11.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ
12.	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet
13.	Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet
14.	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet
15.	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định	Viễn thông và Internet

	mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	
16.	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet
17.	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet
18.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet
19.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet
20.	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet
21.	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và Internet
22.	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và Internet
23.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Viễn thông và Internet

24.	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và Internet
25.	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và Internet
26.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	Viễn thông và Internet
27.	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet
28.	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet
29.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet
30.	Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet
31.	Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet
32.	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông	Viễn thông và Internet
33.	Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc “Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng”	Viễn thông và Internet
34.	Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu	Viễn thông và Internet
35.	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
36.	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
37.	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác; thay	An toàn bức xạ và hạt nhân

	đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	
38.	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác	An toàn bức xạ và hạt nhân
39.	Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân
40.	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
41.	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát neutron, electron và hạt mang điện khác.	An toàn bức xạ và hạt nhân
42.	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
43.	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
44.	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	An toàn bức xạ và hạt nhân
45.	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp.	An toàn bức xạ và hạt nhân
46.	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	An toàn bức xạ và hạt nhân

47.	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.	An toàn bức xạ và hạt nhân
48.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	An toàn bức xạ và hạt nhân
49.	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
50.	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
51.	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ	An toàn bức xạ và hạt nhân
52.	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
53.	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ.	An toàn bức xạ và hạt nhân
54.	Cấp giấy phép buru chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Buru chính
55.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép buru chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Buru chính
56.	Cấp lại giấy phép buru chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Buru chính
57.	Cấp lại giấy phép buru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Buru chính
58.	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Buru chính
59.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Buru chính
60.	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)	Buru chính
Tổng số: 60 thủ tục hành chính		

